

Bản án số: 124/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15/5/2026
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Châu Ngọc
2. Bà Nguyễn Thị Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trăm – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long: bà Trần Thị Hồng Gấm- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025, về việc: “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 91/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Mỹ D**, sinh năm 1992 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, ấp C, xã N, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn: Anh **Trần Trung H**, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/12/2025 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:

Về hôn nhân: qua quen biết chị D và anh H tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2016, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã B, tỉnh Vĩnh Long)

vào ngày 01/7/2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống tương đối hạnh phúc ở bên gia đình chồng, sau một thời gian thì vợ chồng bắt đầu có nhiều bất hòa nhưng chị D vẫn cố gắng vun đắp, đến khoảng tháng 11/2021 thì mâu thuẫn lên tới đỉnh điểm nên chị D dẫn con bỏ nhà đi thuê nhà trọ sống và vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 11/2021 cho đến nay không về đoàn tụ được.

Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do anh H không lo làm ăn mà thường xuyên uống rượu, đi chơi không quan tâm, chăm sóc vợ con, vợ chồng thường xuyên cự cãi về vấn đề tiền bạc. Đồng thời, anh H còn có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài, chị D nhiều lần bắt gặp và khuyên ngăn nhưng anh H không thay đổi. Trong thời gian ly thân anh H chỉ thỉnh thoảng điện thoại thăm con và được một vài lần gửi cho chị D ít tiền để nuôi con. Hơn nữa, phía anh H không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị D quyết định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Trần Trung H.

Về con chung: trong thời gian chung sống vợ chồng có 03 người con chung tên Trần Thị Khánh N, sinh ngày 02/3/2018, Trần Hữu P, sinh ngày 10/11/2020 và Trần Kim A, sinh ngày 17/7/2022. Hiện nay các cháu đang sống với chị D tại nhà ngoại ở ấp C, xã N, tỉnh Vĩnh Long. Khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi 03 con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi mỗi người con là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Quá trình giải quyết vụ án chị D thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, chị D yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.070.000 đồng/tháng/01 người con (cấp dưỡng nuôi 03 người con mỗi tháng là 6.210.000 đồng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính từ thời điểm Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/12/2025 cháu Trần Thị Khánh N trình bày:

Sau khi cha mẹ ly hôn với nhau cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ là Nguyễn Thị Mỹ D.

Về phía bị đơn anh Trần Trung H được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và xét xử nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, chị D và anh H vắng mặt.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 25/02/2026 chị Nguyễn Thị Mỹ D xin vắng mặt, chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án thụ lý đúng thẩm quyền loại việc theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng về việc thu thập chứng cứ theo quy định. Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 39, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn với anh Trần Trung H.

- Về con chung: Giao 03 con chung tên Trần Thị Khánh N, sinh ngày 02/3/2018, Trần Hữu P, sinh ngày 10/11/2020 và Trần Kim A, sinh ngày 17/7/2022 cho chị Nguyễn Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Trung H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản anh H thực hiện quyền này.

- Về cấp dưỡng: Buộc anh Trần Trung H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.070.000đồng/tháng/01 người con (cấp dưỡng nuôi 03 người con là 6.210.000 đồng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, anh Trần Trung H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận quan hệ tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại xã B, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Trung H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại

khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung:

- Về hôn nhân: căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 30, ngày 01/7/2017 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Trần Trung H là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của chị D thì sau khi cưới nhau chị D và anh H cũng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng khi xảy ra mâu thuẫn thì không hàn gắn được. Quá trình chung sống anh H không lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con, vợ chồng thường xuyên cự cãi về vấn đề tiền bạc. Anh H còn có người phụ nữ khác bên ngoài. Chị D và anh H ly thân từ tháng 11/2021 đến nay, anh H không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị D nên không về đoàn tụ được. Tại đơn xin ly hôn chị D trình bày hiện chị D không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

Về phía bị đơn anh Trần Trung H được Tòa án thông báo thụ lý vụ án nhưng không có văn bản trả lời, không tham gia hòa giải và phiên tòa xét xử, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu kèm theo để giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử nhận thấy anh H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án xem như không có thành ý hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị D đúng như lời chị D trình bày, do đó mối quan hệ hôn nhân của chị D và anh H không thể hàn gắn được, chị D cho rằng vợ chồng có nhiều bất hòa và không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh H, vì thế mâu thuẫn của chị D và anh H đã trở nên trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và cũng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ, phù hợp Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

- Về con chung: chị D trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 03 người con chung tên Trần Thị Khánh N, sinh ngày 02/3/2018, Trần Hữu P, sinh ngày 10/11/2020 và Trần Kim A, sinh ngày 17/7/2022. Hiện nay các cháu đang sống với chị D. Khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi 03 con chung.

Tòa án đã triệu tập họp lệ anh H để làm rõ yêu cầu nuôi con chung của chị D nhưng anh H vắng mặt không rõ lý do nên không thể thu thập được ý kiến của anh H. Chị D trình bày từ khi vợ chồng ly thân thì anh H thỉnh thoảng điện thoại thăm con và được một vài lần gửi cho chị D ít tiền để nuôi con. Xét thấy, chị D và các con chung ra ngoài ở riêng từ năm 2021 đến nay, việc nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung chủ yếu là chị D, anh H chỉ thỉnh thoảng điện thoại thăm con chứ không thường xuyên thăm nom, quan tâm, chăm sóc các con chung. Đồng

thời, cả ba cháu trong thời gian qua đã ổn định về cuộc sống và cần thiết tiếp tục đảm bảo cho sự ổn định này cho các cháu có thể phát triển tâm sinh lý trong hiện tại cũng như trong thời gian tới, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị D. Giao các con chung tên Trần Thị Khánh N, sinh ngày 02/3/2018, Trần Hữu P, sinh ngày 10/11/2020 và Trần Kim A, sinh ngày 17/7/2022 cho chị Nguyễn Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị D yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.070.000 đồng/tháng/01 người con (cấp dưỡng nuôi 03 người con mỗi tháng là 6.210.000 đồng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính từ thời điểm Bản án có hiệu lực pháp luật.

Như nhận định nêu trên, anh H vắng mặt không có lý do xuyên suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể thu thập ý kiến của anh H về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị D phù hợp với Điều 110 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, anh H là cha ruột của các cháu Trần Thị Khánh N, Trần Hữu P và Trần Kim A nên việc cấp dưỡng nuôi con là cần thiết.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định “*Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con*”. Theo Điều 3 Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ thì xã B nơi anh H đang cư trú thuộc vùng III, có mức lương tối thiểu vùng là 4.140.000 đồng/tháng. Như vậy, mức cấp dưỡng nuôi con mà chị D đưa ra là $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu vùng, mức cấp dưỡng này phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0012936 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị D đã nộp đủ.

Buộc anh Trần Trung H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 3 Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ D

1. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn với anh Trần Trung H.

2. Về con chung: giao các con chung tên Trần Thị Khánh N, sinh ngày 02/3/2018, Trần Hữu P, sinh ngày 10/11/2020 và Trần Kim A, sinh ngày 17/7/2022 cho chị Nguyễn Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: buộc anh Trần Trung H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.070.000 đồng/tháng/01 người con (cấp dưỡng nuôi 03 người con mỗi tháng là 6.210.000 đồng) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính từ thời điểm Bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị Mỹ D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0012936

ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị D đã nộp đủ.

Buộc anh Trần Trung H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND KV2-VL: 02b
- Phòng THADS KV2-VL: 01b;
- UBND xã nơi thực hiện ĐKKH: 01b;
- Đương sự: 02b;
- Lưu: 04b.

Ngô Thị Ngọc Trinh

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Ngọc T

